

# CẢI THIỆN CHỈ SỐ XANH CẤP TỈNH NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH THANH HÓA

Thiều Việt Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Nga<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích biến động Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) của Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2024 dựa trên hồ sơ PGI theo tỉnh và các báo cáo liên quan. Kết quả cho thấy năm 2022 Thanh Hóa xếp hạng 40; giai đoạn 2023 - 2024 không nằm trong nhóm 30 địa phương có PGI cao nhất (hệ thống hiển thị N/A). Tổng điểm PGI tăng từ 14,41 (2022) lên 20,34 (2023) và 23,40 (2024), nhưng mức cải thiện không đồng đều giữa các chỉ số thành phần (CSTP). CSTP4 (chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ môi trường) tăng mạnh từ 1,59 (2022) lên 5,50 (2024), trong khi CSTP3 (thúc đẩy thực hành xanh) biến động. Từ các phát hiện, nghiên cứu đề xuất hàm ý chính sách ưu tiên theo từng CSTP nhằm nâng cao chất lượng quản trị môi trường và hỗ trợ phát triển kinh tế xanh của tỉnh.

**Từ khóa:** PGI, chuyển đổi xanh, PTBV, Thanh Hóa, VCCI.

**DOI:** <https://doi.org/10.70117/hdujs.83.1.2026.898>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xu hướng toàn cầu gần đây hướng tới một nền kinh tế xanh đảm bảo PTBV đã tạo thêm động lực mới cho các sáng kiến nhằm mục đích vượt ra ngoài GDP. Nhiều tổ chức quốc tế như OECD (2011) và các nhà khoa học đã tập trung vào việc đo lường nền kinh tế xanh thông qua các bộ chỉ số liên quan đến các nội dung “ít carbon, hiệu quả về tài nguyên và bao trùm về mặt xã hội”. Nhiều nghiên cứu nhằm làm rõ vai trò của hạ tầng xanh (Nieuwenhuijsen, 2021; Cole, 2017); hoặc đề xuất các bộ chỉ số đo lường xanh ở các cấp độ khác nhau, như chỉ số kinh tế xanh (Nahman & et al, 2016), hoặc các nhóm CSTP về không gian xanh đô thị và tài chính xanh (De Ridder & et al, 2004; Gupta & et al, 2012; Liu & et al 2016; Lindenberg, 2014; Ozili, 2021; Chandio, & et al, 2021). Ở Việt Nam, một số nghiên cứu tập trung vào chỉ số chất lượng môi trường đô thị (Trần Quang Lộc và Phạm Khắc Liệu, 2012), song các chỉ số áp dụng trực tiếp cho cấp địa phương nhằm phản ánh chất lượng quản trị môi trường gắn với doanh nghiệp còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, PGI do VCCI công bố là một công cụ đo lường đáng chú ý, phản ánh mức độ “xanh” của quản trị môi trường cấp tỉnh thông qua bốn CSTP. Thanh Hóa có tiềm năng phát triển kinh tế xanh (nông nghiệp sạch, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo...), nhưng vẫn đối mặt với thách thức như hạ tầng xử lý chất thải chưa đồng bộ, mức độ tuân thủ môi trường chưa ổn định và hiệu quả thúc đẩy thực hành xanh còn biến động. Những

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthingakt@hdu.edu.vn

vấn đề này phần nào được phản ánh trong biến động PGI của tỉnh. Vì vậy, nghiên cứu tập trung: (i) phân tích biến động PGI và các CSTP của Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2024; (ii) thảo luận liên hệ với một số kết quả KTXH - môi trường của địa phương trên cơ sở mô tả; (iii) đề xuất hàm ý chính sách ưu tiên theo từng CSTP nhằm cải thiện PGI, hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

## 2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp gồm: (i) hồ sơ PGI theo tỉnh trên hệ thống PCI/PGI; (ii) báo cáo PGI (hồ sơ 63 tỉnh, thành phố) và các thông tin công bố liên quan; (iii) báo cáo tình hình KTXH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024 và một số văn bản/chính sách địa phương phục vụ diễn giải.

### 2.2. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả và so sánh theo thời gian: (i) so sánh điểm từng CSTP và tổng PGI của Thanh Hóa qua các năm; (ii) nhận diện CSTP đóng góp lớn vào thay đổi PGI, từ đó rút ra điểm mạnh - điểm nghẽn và gợi ý chính sách. Việc liên hệ PGI với một số chỉ tiêu KTXH - môi trường được thực hiện theo hướng mô tả/diễn giải, không suy luận quan hệ nhân quả.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Biến động PGI của Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2024

Công thông tin PGI cho thấy Thanh Hóa xếp hạng 40 năm 2022, và không thuộc nhóm 30 trong các năm 2023 - 2024 (xếp hạng hiển thị N/A trên hệ thống).

**Bảng 1. Chỉ số xanh cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa**

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	CSTP1 - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp)	3,55	6,34	6,51
2	CSTP2 - Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	4,83	5,02	6,21
3	CSTP3 - Thúc đẩy thực hành xanh	4,44	3,94	5,18
4	CSTP4 - Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường	1,59	5,04	5,50
Tổng PGI		14,41	20,34	23,40
Xếp hạng		40	N/A*	N/A

*Nguồn: Báo cáo chỉ số PGI - Hồ sơ 63 tỉnh, thành phố Việt Nam*

CSTP1 tăng mạnh từ 3,55 điểm (2022) lên 6,34 điểm (2023), tức tăng 2,79 điểm; sang 2024 chỉ tăng nhẹ 0,17 điểm (lên khoảng 6,51 điểm). Mức tăng mạnh giai đoạn 2022 - 2023 chủ yếu đến từ kết quả xử lý các “điểm nóng” ô nhiễm và tăng cường giám sát môi trường, qua đó cải thiện các tiêu chí đánh giá nền tảng của CSTP1. Cụ thể, tỉnh có 82 cơ sở trong danh

mục gây ô nhiễm; đến cuối 2023 đã có 62/82 cơ sở được xử lý triệt để và rút khỏi danh mục. Song song, tỉnh mở rộng hạ tầng thu gom - xử lý nước thải tập trung tại các đô thị và khu công nghiệp/khu kinh tế trọng điểm; đồng thời lắp đặt 85 trạm quan trắc tự động, liên tục (21 trạm nước thải, 64 trạm khí thải) truyền dữ liệu về cơ quan quản lý, giúp nâng hiệu lực kiểm soát và tính minh bạch. Tuy nhiên, đà tăng năm 2024 không lớn vì còn tồn tại các “nút thắt” làm giảm hiệu quả cải thiện chất lượng môi trường, điển hình là 03 dự án xử lý rác chậm tiến độ (Đông Nam - Đông Sơn; đốt rác phát điện ở Bim Sơn; nhà máy 300 tấn/ngày đêm ở Quảng Minh - Sầm Sơn), khiến ô nhiễm tại khu tập kết rác vẫn kéo dài và làm suy giảm hiệu quả đầu tư công. Ngoài ra, hạ tầng xử lý rác thải sinh hoạt (đặc biệt rác sau phân loại) ở miền núi/ven biển còn thiếu và chưa đồng bộ, tạo ra độ “trễ” trong cải thiện điểm số.

Nhìn tổng thể, CSTP2 tăng ổn định hơn CSTP3 vì CSTP2 phản ánh trực tiếp hiệu lực thực thi pháp luật và công cụ kiểm tra - xử phạt, trong khi CSTP3 phụ thuộc nhiều vào mức độ thấm thấu của truyền thông - giáo dục và chuyển hóa hành vi, nên dễ biến động theo chất lượng triển khai từng năm.

CSTP2 từ 4,83 điểm (2022) lên 6,21 điểm (2024) (tăng 1,38 điểm). Dù ô nhiễm vẫn phổ biến ở KCN/CCN, làng nghề và cơ sở SXKD nhỏ lẻ xen kẽ khu dân cư; bụi từ vận tải trên các tuyến đường... nhưng điểm CSTP2 tăng là nhờ tinh siết chặt thực thi pháp luật: từ 2022 đến nay, cơ quan chuyên môn đã xử phạt (và tham mưu UBND tỉnh xử phạt) 76 trường hợp, tổng tiền 5,64 tỷ đồng; đồng thời tăng cường giám sát vận hành trạm quan trắc, kiểm tra/niêm phong hệ thống truyền nhận dữ liệu và kịp thời đình chỉ xả thải nếu thông số vượt quy chuẩn. Đây là nhóm hành động có tác động “nhìn thấy ngay” trong đánh giá, nên giúp CSTP2 cải thiện tương đối đều.

CSTP3 biến động: 2023 đạt 3,94 điểm, giảm 0,50 điểm so với 2022 (4,44 điểm); đến 2024 tăng lên 5,18 điểm. Việc giảm điểm năm 2023 có thể lý giải theo logic đánh giá: dù tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền (chuyên trang, chuyên mục với báo/đài; phối hợp giáo dục môi trường trong trường học; nhân rộng mô hình “khu dân cư tự quản BVMT”, “xanh - sạch - đẹp”...), nhưng tuyên truyền nếu chưa chuyển thành hành vi xanh cụ thể, ổn định và có kết quả đo lường rõ thì điểm số dễ suy giảm. Nói cách khác, độ phủ truyền thông tăng chưa chắc đồng nghĩa với mức tuân thủ/Thực hành tăng trong cùng kỳ, nhất là khi còn các nguồn gây ô nhiễm dai dẳng (rác thải, bụi giao thông, cơ sở nhỏ lẻ). Sang 2024, điểm tăng trở lại phản ánh việc các hoạt động tuyên truyền-giáo dục và duy trì mô hình cộng đồng được củng cố tốt hơn, cùng với nền tảng ngân sách: tỷ lệ chi sự nghiệp môi trường từ NSDP giai đoạn 2022 đến nay duy trì gần 2% tổng chi NSDP; nguồn nhân lực trước sáp nhập của Sở TN&MT khoảng 89 công chức. Tuy vậy, để CSTP3 tăng bền vững, trọng tâm không chỉ là “nói nhiều” mà là thiết kế truyền thông gắn hành động (phân loại rác tại nguồn, giảm nhựa dùng một lần, giám sát cộng đồng, cam kết xanh của doanh nghiệp...), vì đây là phần quyết định tính ổn định của chỉ số.

CSTP4 tăng mạnh nhất: từ 1,59 điểm (2022) lên 5,04 điểm (2023) (tăng 3,45 điểm), và 2024 đạt 5,50 điểm (tăng thêm 0,46 điểm). Nguyên nhân chính không nằm ở số lượng văn bản, mà ở cơ chế tác động trực tiếp đến doanh nghiệp và dòng vốn “xanh” - đây là nhóm nội dung thường được phản ánh rõ trong đánh giá PGI. Cụ thể:

*Thứ nhất*, tỉnh chủ động tạo khung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (Nghị quyết 214/2022/NQ-HĐND và các đề án liên quan), góp phần cải thiện môi trường kinh doanh;

điều này tương thích với kết quả PCI khi năm 2024 xếp thứ 21/63, tăng 26 bậc so với 2022. Khi môi trường kinh doanh tốt hơn và doanh nghiệp được hỗ trợ rõ ràng, khả năng doanh nghiệp tham gia/tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và đầu tư cải thiện công nghệ cũng tăng, qua đó kéo CSTP4 đi lên.

*Thứ hai*, tỉnh có công cụ tài chính xanh tương đối rõ: Quỹ Bảo vệ môi trường (thành lập từ 2011) thực hiện huy động nguồn lực và cho vay/hỗ trợ lãi suất cho các chương trình khắc phục ô nhiễm, BVMT; đồng thời cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng tạo dòng tài chính thường xuyên (trên 30 tỷ đồng/năm) cho các chủ rừng, cộng đồng và hộ gia đình trên diện tích lớn ở các huyện miền núi. Thứ ba, tỉnh tận dụng cơ chế tín chỉ carbon/REDD+ (gắn với Nghị định 107/2022/NĐ-CP), tham gia chuẩn bị và thực hiện chuyển nhượng, qua đó tạo nguồn thu 162,5 tỷ đồng (trong nhóm 6 tỉnh Bắc Trung Bộ năm 2023) để chi trả cho các đối tượng thụ hưởng rừng. Chính các cơ chế “tiền thật - tác động thật” này làm CSTP4 tăng mạnh hơn các CSTP còn lại vì tác động trực tiếp đến doanh nghiệp và tài chính xanh, đúng trọng tâm của PGI.

### 3.2. Kết quả đạt được về phát triển bền vững kinh tế xã hội từ việc cải thiện chỉ số xanh cấp tỉnh PGI của tỉnh Thanh Hóa

Kết quả cho thấy xu hướng đồng biến giữa cải thiện chất lượng quản trị môi trường (PGI) và một số chỉ tiêu phát triển KTXH của tỉnh giai đoạn 2021 - 2024. Tuy nhiên, các số liệu mô tả dưới đây chủ yếu phản ánh mối liên hệ và bối cảnh chuyển dịch, chưa đủ cơ sở để kết luận quan hệ nhân quả.

*Một là*, về kinh tế: Cơ cấu GRDP theo các ngành kinh tế của tỉnh chuyển dịch rất tích cực, đúng hướng. Cụ thể:

**Bảng 3. Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế và GRDP bình quân đầu người của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024**

Chỉ tiêu kinh tế	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Cơ cấu GRDP theo các ngành kinh tế (%)				
- Nông, lâm, thủy sản	16,07	14,42	13,8	12,9
- Công nghiệp - xây dựng	46,64	48,41	48,4	49,5
- Dịch vụ	30,82	30,40	31,8	31,1
- Thuế sản phẩm	6,47	6,78	6,0	6,5
2. GRDP bình quân đầu người (USD)	2.451	2.924	3.067	3540

*Nguồn: Báo cáo tình hình KTXH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024*

Bảng 3 cho thấy cơ cấu GRDP tỉnh Thanh Hóa chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản từ 16,07% (2021) xuống 12,9% (2024); khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 46,64% lên 49,5%; khu vực dịch vụ duy trì quanh 30 - 31%. Đồng thời, GRDP bình quân đầu người tăng từ 2.451 USD (2021) lên 3.540 USD (2024). (*Nguồn: Báo cáo tình hình KTXH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024*). Điểm cần nhấn mạnh là: chuyển dịch cơ cấu không tự động làm PGI tốt lên, mà phụ thuộc chất lượng tăng trưởng “xanh” trong từng khu vực. Theo đó, một số xu hướng sản xuất - đầu tư dưới đây có thể hỗ trợ các cấu phần PGI (nhất là nhóm nội dung về kiểm soát ô nhiễm, hạ tầng môi trường, thực thi pháp luật và chính sách xanh), qua các cơ chế cụ thể:

(1) Nông nghiệp giảm tỷ trọng nhưng theo hướng “sạch - chuỗi giá trị” (liên hệ PGI theo cơ chế): Dù tỷ trọng nông nghiệp giảm, tinh định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch/hữu cơ gắn với tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao đạt 6.569 ha; chăn nuôi phát triển ổn định với nhiều dự án khép kín công nghệ cao. Đến cuối năm 2024, có trên 80.000 ha duy trì mô hình liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm. Về mặt logic PGI, các mô hình sản xuất theo chuỗi và tập trung quy mô lớn thường dễ áp dụng tiêu chuẩn môi trường hơn (quy trình canh tác sạch, kiểm soát chất thải chăn nuôi, truy xuất nguồn gốc, giám sát đầu vào - đầu ra), từ đó giảm áp lực ô nhiễm phân tán và hỗ trợ mục tiêu nâng chất lượng quản trị môi trường ở cấp tỉnh.

(2) Công nghiệp - xây dựng tăng tỷ trọng: cần nhấn “phần xanh” để gắn với PGI: Trong khu vực công nghiệp - xây dựng, một số dự án năng lượng tái tạo/tiết kiệm năng lượng được triển khai và đi vào hoạt động tạo động lực tăng trưởng, đồng thời có thể đóng góp tích cực cho mục tiêu môi trường (giảm phát thải, giảm phụ thuộc năng lượng hóa thạch), như: Nhà máy điện mặt trời Yên Thái (30 MW); 613 hệ thống điện mặt trời mái nhà tổng công suất khoảng 60MW; điện sinh khối của Công ty CP Mía đường Lam Sơn (33,2 MW), Công ty CP Mía đường Nông Cống (4,5 MW), Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan (10 MW); cùng các dự án tận dụng nhiệt dư tại một số cơ sở công nghiệp. Liên hệ với PGI, các dự án theo hướng năng lượng sạch và hiệu quả năng lượng là minh chứng cho chuyển dịch “công nghiệp xanh”, góp phần cải thiện các đánh giá về định hướng chính sách xanh và thực hành giảm tác động môi trường. (Lưu ý: vẫn cần quản trị chặt phát thải của các ngành công nghiệp nặng để tránh “tăng trưởng nóng” làm triệt tiêu lợi ích môi trường.)

(3) Dịch vụ - du lịch: gắn “du lịch xanh” với PGI bằng tác động hành vi và bảo tồn: Khu vực dịch vụ duy trì tỷ trọng quanh 30 - 31%, trong đó du lịch phục hồi mạnh sau Covid-19: doanh thu tăng từ 5.006 tỷ đồng (2021) lên 20.038 tỷ (2022), 25.252 tỷ (2023) và 32.387 tỷ (2024); lượng khách tăng tương ứng (2021: 3.422 lượt khách; 2022: 10.000; 2023: 12.356; 2024: 13.800). Tinh định hướng chuyển dịch sang du lịch xanh, phát triển các tuyến du lịch đi bộ trong rừng tại Bá Thước, Quan Hóa, Thường Xuân với thông điệp “Không mang gì về ngoài những bức ảnh - Không để lại gì ngoài những dấu chân”. Về logic PGI, du lịch xanh và dịch vụ thân thiện môi trường góp phần lan tỏa nhận thức - hành vi môi trường, thúc đẩy bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và giám áp lực lên hệ sinh thái, qua đó hỗ trợ mục tiêu quản trị môi trường bền vững.

Tóm lại, cơ cấu GRDP chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ, cùng với các nỗ lực phát triển nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo và du lịch xanh, gợi ý mối liên hệ đồng biến giữa định hướng tăng trưởng xanh và kết quả đánh giá quản trị môi trường (PGI). Tuy nhiên, các số liệu hiện có chủ yếu mang tính mô tả, vì vậy chỉ nên kết luận ở mức xu hướng/liên hệ, chưa khẳng định quan hệ nhân quả.

Tổng hợp giai đoạn 2022 - 2024 cho thấy PGI của Thanh Hóa cải thiện theo hướng không đồng đều giữa các cấu phần. Điểm số tăng rõ nhất tập trung ở CSTP4 (chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong BVMT) và CSTP1 (giảm thiểu ô nhiễm, tăng cường giám sát môi trường), phản ánh tác động tương đối “trực tiếp” của nhóm công cụ chính sách - tài chính xanh và nhóm giải pháp xử lý/giám sát các nguồn gây ô nhiễm. Ngược lại, CSTP3 (thúc đẩy thực hành xanh) có tính biến động, cho thấy các hoạt động truyền thông - giáo dục

nếu chưa chuyển hóa thành thực hành xanh ổn định thì khó tạo cải thiện bền vững về điểm số. Trong khi đó, CSTP2 (tuân thủ tiêu chuẩn môi trường tối thiểu) có xu hướng tăng dần nhờ tăng cường kiểm tra, giám sát và xử phạt, nhưng vẫn chịu sức ép từ các nguồn ô nhiễm phổ biến tại khu công nghiệp/cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư. Như vậy, động lực cải thiện PGI của tỉnh trong giai đoạn nghiên cứu phụ thuộc mạnh vào CSTP4 (và CSTP1), còn tính bền vững của kết quả PGI đòi hỏi củng cố các điều kiện để CSTP3 cải thiện ổn định hơn.

Về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Một số kết quả đạt được trong việc thúc đẩy các tiêu chuẩn an toàn môi trường của tỉnh được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 2. Cải thiện chất lượng môi trường tỉnh Thanh Hóa**

STT	Chỉ tiêu môi trường	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tỷ lệ che phủ rừng	53,5	53,6	53,65	53,86
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	96,6	97	97,5	98
	<i>Trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	58,4	60	62	64
3	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	96	96	96	96
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	86	89	91,80	92
5	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	81	82	83	84
6	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	100	100	100	100

*Nguồn: Báo cáo tình hình KTXH của tỉnh Thanh Hóa năm 2021 - 2024)*

Các chỉ tiêu môi trường giai đoạn 2021-2024 nhìn chung có xu hướng cải thiện: tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 53,5% lên 53,86%; tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh tăng từ 96,6% lên 98% (trong đó nước sạch theo chuẩn của Bộ Y tế tăng từ 58,4% lên 64%); tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tăng từ 86% lên 92%; chất thải nguy hại tăng từ 81% lên 84%; chất thải y tế duy trì 100%. Những xu hướng này phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng quản trị môi trường của tỉnh và có thể liên hệ với các cấu phần PGI, đặc biệt là nhóm nội dung về kiểm soát ô nhiễm, hạ tầng xử lý và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường. Riêng đối với lĩnh vực lâm nghiệp, việc tinh tham gia các cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng và cơ chế carbon/REDD+ gợi ý công tác quản lý, bảo vệ rừng được quan tâm và duy trì theo các yêu cầu giám sát - đánh giá của chương trình; tuy nhiên, các chỉ tiêu hiện có chủ yếu phản ánh kết quả theo dõi hằng năm và chưa đủ để suy luận quan hệ nhân quả giữa biến động PGI và thay đổi của từng chỉ tiêu môi trường.

#### 4. MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH VỀ CẢI THIỆN PGI NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TỈNH THANH HÓA

Kết quả phân tích PGI giai đoạn 2022 - 2024 cho thấy Thanh Hóa chưa thuộc nhóm 30 địa phương có PGI cao nhất (năm 2022 xếp hạng 40; 2023 - 2024 hệ thống chỉ hiển thị top 30). Điểm số giữa các cấu phần cải thiện không đồng đều: CSTP1 và CSTP4 tăng mạnh, CSTP2 tăng tương đối đều, còn CSTP3 biến động. Vì vậy, hàm ý chính sách cần chuyển từ “làm nhiều nội dung” sang tập trung đúng điểm nghẽn theo từng CSTP, đồng thời tạo liên kết để cải thiện bền vững toàn bộ PGI.

*Đối với CSTP1:* Trọng tâm thời gian tới cần đặt vào khắc phục dứt điểm các điểm nghẽn hạ tầng xử lý rác, nhất là các dự án chậm tiến độ và tình trạng thiếu đồng bộ ở miền núi/ven biển. Cùng với đầu tư, tỉnh nên thiết kế cơ chế quản trị dự án theo hướng rõ trách nhiệm, mốc tiến độ, kiểm tra vận hành sau đầu tư để tránh “xây xong nhưng không chạy hiệu quả”. Đồng thời, huy động khu vực tư nhân tham gia hạ tầng môi trường cần dựa trên cơ chế giá dịch vụ minh bạch và danh mục dự án đủ hấp dẫn để chia sẻ gánh nặng đầu tư công. Về giám sát, ưu tiên không chỉ tăng số trạm quan trắc mà nâng chất lượng sử dụng dữ liệu (cảnh báo sớm, kiểm chứng, xử lý kịp thời) để tăng hiệu lực kiểm soát môi trường. Khi các “điểm nghẽn” này được tháo gỡ, CSTP1 mới có dư địa tăng tiếp thay vì chỉ tăng rất nhỏ qua từng năm.

*Đối với CSTP2:* Tỉnh nên ưu tiên giám sát các ngành/cụm có nguy cơ cao dựa trên dữ liệu quan trắc và phản ánh cộng đồng để phát hiện sớm thay vì chờ hậu quả. Đồng thời, cần giảm “chi phí tuân thủ” cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng hỗ trợ kỹ thuật, mẫu quy trình và lộ trình đáp ứng chuẩn, vì đây là nhóm dễ vi phạm do thiếu năng lực hơn là cố tình. Việc công khai mức độ tuân thủ theo nhóm đối tượng cũng tạo thêm áp lực thị trường và giám sát xã hội, giúp củng cố kết quả tăng điểm của CSTP2. Khi phòng ngừa rủi ro tốt hơn, mức tăng của CSTP2 sẽ bền vững và ít phụ thuộc vào xử phạt sau vi phạm.

*Đối với CSTP3:* Hàm ý cốt lõi là cần đổi trọng tâm từ “tuyên truyền quy định” sang chương trình thay đổi hành vi có kết quả đo lường được, ví dụ phân loại rác tại nguồn, giảm nhựa dùng một lần, tiết kiệm năng lượng và duy trì vệ sinh môi trường khu dân cư. Tỉnh nên gắn các hoạt động “xanh” với cơ chế duy trì như thi đua - khen thưởng theo kết quả, lồng ghép tiêu chí xanh vào đánh giá phong trào ở cơ sở để tránh phong trào ngắn hạn. Với khu vực miền núi/ven biển, nội dung truyền thông cần phù hợp văn hóa - ngôn ngữ và ưu tiên thông điệp dễ thực hiện để tăng tỷ lệ tham gia thực chất. Về nguồn lực, việc duy trì chi cho sự nghiệp môi trường là cần thiết nhưng quan trọng hơn là gắn phân bổ ngân sách với chỉ tiêu đầu ra (tỷ lệ phân loại, mô hình duy trì sau 12 tháng...) để tăng hiệu quả. Khi hành vi xanh được “đóng gói” thành hoạt động có chỉ tiêu và cơ chế duy trì, CSTP3 sẽ ít biến động và góp phần nâng PGI bền vững.

*Đối với CSTP4:* Hàm ý chính sách không phải là ban hành thêm thật nhiều văn bản, mà là nâng chất lượng chính sách hỗ trợ theo đúng đối tượng và đúng điều kiện xanh (đổi mới công nghệ, giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn, xử lý chất thải). Tỉnh cần củng cố hệ thống “tài chính xanh” để doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận vốn cho chuyển đổi xanh thông qua cơ chế rõ tiêu chí, dễ tiếp cận và minh bạch. Đồng thời, cải cách thủ tục hành chính liên quan môi trường theo hướng giảm chi phí giao dịch (số hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, hỗ trợ một cửa) sẽ làm tăng hiệu lực của “dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp” trong CSTP4. Quan trọng hơn, CSTP4 cần được dùng để tạo tác động lan tỏa sang CSTP2 - CSTP3, tức hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ chuẩn và thúc đẩy thực hành xanh trong chuỗi cung ứng thay vì chỉ dùng ở ưu đãi riêng lẻ. Khi CSTP4 chuyển từ “hỗ trợ” sang “kích hoạt lan tỏa”, PGI của tỉnh sẽ tăng đồng đều hơn và có khả năng cải thiện thứ hạng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ. (2022), *Nghị định 107/2022/NĐ-CP về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ*.
- [2] HĐND tỉnh Thanh Hóa (2022), *Nghị quyết 214/2022/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2022 - 2026*.
- [3] Trần, Q. L., Phạm, K. L. (2012), *Nghiên cứu xây dựng chỉ số chất lượng môi trường đô thị (UEQI) và áp dụng cho một số đô thị tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, 74B(5):93-102.
- [4] VCCI (2024), *Báo cáo PCI 2024 (phần PGI: phương pháp và kết quả)*, <https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci-2024-ct233>
- [5] VCCI. (n.d.), *Hồ sơ PGI tỉnh Thanh Hóa (dữ liệu CSTP 2022 - 2024)*, <https://pcivietnam.vn/du-lieu-pgi>.
- [6] VCCI. (2024), *Bảng xếp hạng PGI (hiển thị Top 30; các tỉnh ngoài Top 30 hiển thị N/A)*, <https://pcivietnam.vn/pgi/bang-xep-hang>.
- [7] Chandio, A. A., & et al (2021), *Determinants of demand for credit by smallholder farmers': A farm level analysis based on survey in Sindh, Pakistan*, Journal of Asian Business and Economic Studies, 28(3):225-240, <https://doi.org/10.1108/JABES-01-2020-0004>.
- [8] Cole, L. B., & et al (2017), *Green infrastructure*. In A. Russ (Ed.), Urban Environmental Education Review (pp. 261-270), Cornell University Press. <https://doi.org/10.7591/cornell/9781501705823.003.0028>.
- [9] De Ridder, K., & et al (2004), *An integrated methodology to assess the benefits of urban green space*, Science of the Total Environment, 334(35):489-497. <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2004.04.054>
- [10] Gupta, K., & et al (2012). Urban Neighborhood Green Index - A measure of green spaces in urban areas. *Landscape and Urban Planning*, 105(3):325-335. <https://doi.org/10.1016/j.landurbplan.2012.01.003>.
- [11] Lindenberg, N. (2014). *Definition of green finance* (DIE Discussion Paper). German Development Institute/Deutsches Institut für Entwicklungspolitik (DIE).
- [12] Liu, Y., & et al (2016), An effective Building Neighborhood Green Index model for measuring urban green space, *International Journal of Digital Earth*, 9(4):387-409. <https://doi.org/10.1080/17538947.2015.1037870>.
- [13] Nahman, A., & et al (2016), Beyond GDP: Towards a Green Economy Index. *Development Southern Africa*, 33(2):215-233, <https://doi.org/10.1080/0376835X.2015.1120649>.
- [14] Nieuwenhuijsen, M. J. (2021). Green infrastructure and health. *Annual Review of Public Health*, (42):317-328. <https://doi.org/10.1146/annurev-publhealth-090419-102511>.

- [15] OECD (2011). *Towards Green Growth: Monitoring Progress: OECD Indicators*. OECD Green Growth Studies, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/9789264111356-en>
- [16] Ozili, P. K. (2021). Digital finance, green finance and social finance: Is there a link? *Financial Internet Quarterly*, 17(1):1-7. <https://doi.org/10.2478/fiqf-2021-0001>

## ENHANCING THE PROVINCIAL GREEN INDEX FOR SUSTAINABLE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN THANH HOA PROVINCE

Thieu viet Ha, Nguyen Thi Nga

### ABSTRACT

*This study analyzes changes in Thanh Hoa Province's Provincial Green Index (PGI) during the 2022-2024 period based on provincial PGI profiles and related reports. The findings show that Thanh Hoa ranked 40th in 2022; in 2023 and 2024, it did not appear among the top 30 provinces and centrally governed cities with the highest PGI scores, and the system displayed N/A. The overall PGI score increased from 14.41 in 2022 to 20.34 in 2023 and 23.40 in 2024, but the improvement was uneven across the component sub-indices. Component Sub-index 4 (environmental policies and services supporting businesses in environmental protection) rose sharply from 1.59 in 2022 to 5.50 in 2024, while Component Sub-index 3 (promotion of green practices) fluctuated. Based on these findings, the study proposes policy implications prioritized by each component sub-index in order to improve the quality of environmental governance and support the province's green economic development.*

**Keywords:** PGI, green transition, sustainable development, Thanh Hoa, VCCI.

\* Ngày nộp bài: 22/4/2025; Ngày gửi phản biện: 10/5/2025; Ngày duyệt đăng: 30/1/2026